

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 202/2018/DS-PT  
Ngày 31/8/2018  
V/v tranh chấp ranh giới  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tạng

*Các Thẩm phán:* Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Đinh Chí Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1944.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 73, đường CVA, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2018).

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Số 17, đường CVA, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1965.

Anh Đoàn Duy B, sinh năm 1974.

Người đại diện hợp pháp của anh B: Chị Bé H, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ cư trú: Số 73, đường CVA, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2017).

Đoàn Duy Trúc N1, sinh ngày 10/01/2006.

Đoàn Duy Đăng K, sinh ngày 15/01/2008.

Người đại diện hợp pháp của Đoàn Duy Trúc N1 và Đoàn Duy Đăng K: Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1965 và anh Đoàn Duy B, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ cư trú: Số 73, đường CVA, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo pháp luật (Cha, mẹ ruột của Trúc N1 và Đăng K).

Lê Văn Đ, sinh năm 1968.

Lê Hà T, sinh năm 1989.

Lê Thị Như Y, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 77, đường CVA, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng T1; Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ cư trú: Khóm AT A, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông T1: Ông Đặng Văn N1; Chức vụ: Phó Chủ tịch; Địa chỉ cư trú: Đường TP, khóm AT A, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2017).

- *Người kháng cáo:* Chị Hà Thị N là bị đơn.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Ông N1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P, bà P ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Bé H trình bày:*

Trước đây, Công an huyện HN cũ (nay là Công an thị xã HN) có bán hóa giá khu nhà làm việc cho cán bộ Công an huyện, trong đó có bà Huỳnh Thị P được mua 01 nền nhà, diện tích 289,6m<sup>2</sup>, chiều dài giáp nền nhà ông Nguyễn Văn T2 là 48m, chiều dài giáp nền nhà chị Hà Thị N là 48,5m, chiều ngang giáp

đường CVA là 06m, chiều ngang hậu phía sau là 6,03m, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đất số 613878, thửa số 927, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân huyện HN cấp năm 2004, đất tọa lạc tại đường CVA, khóm 3, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Khu nhà làm việc của Công an huyện HN cũ xây dựng ban công lấn ra ngoài, từ khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho cá nhân thì hiện trạng vẫn để nguyên sử dụng cho đến nay và phần ban công này hiện lấn sang phần đất của bà P. Năm 2012, bà P xây nhà thì chị Hà Thị N và ông Lê Văn Đ cho rằng Nhà nước chuyển nhượng cho ông, chị phần đất hiện trạng thế nào thì quyền sử dụng đất như theo hiện trạng.

Tháng 5 năm 2015, chị N xây tường rào khu vực hậu phía sau nhà lấn sang phần đất của bà P.

Tháng 6 năm 2016, chị N lại tiếp tục xây dựng mái che trên ban công lấn sang phần đất của bà P phía trên không.

Sau đó, hộ chị N tự nguyện tháo dỡ tường rào khu vực hậu phía sau nhà lấn sang phần đất của bà P, nên chị Bé H và chị N đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất ranh giới quyền sử dụng đất và đã cắm ranh đất, không còn tranh chấp đối với quyền sử dụng đất diện tích 3,8m<sup>2</sup>.

Chị Nguyễn Thị Bé H đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị P yêu cầu hộ chị Hà Thị N phải tháo dỡ ban công, đã lấn sang quyền sử dụng đất (phía trên nhà ở) của bà Huỳnh Thị P diện tích đo đạc thực tế chiều ngang 0,6m, chiều dài 12,4m, diện tích 7,44m<sup>2</sup>; Bà P xin rút yêu cầu đối với yêu cầu tháo dỡ phần tường hàng rào đã xây dựng phía sau hậu diện tích là 3,8m<sup>2</sup>.

*- Bị đơn chị Hà Thị N trình bày:*

Năm 2001, anh Lê Văn Đ (chồng của chị N) được Công an huyện HN cũ (nay là Công an thị xã HN) và Ủy ban nhân dân huyện HN cũ (nay là Ủy ban nhân dân thị xã HN) hóa giá bán cho một căn nhà (trong 08 căn nhà) khu Công an huyện cũ lúc bấy giờ, với giá 20.000.000đồng/căn (không kể lớn nhỏ).

Năm 2004, chị N làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Tuy nhiên, khi cấp giấy cơ quan chức năng không đo đạc cụ thể theo hiện trạng căn nhà và ranh giới quyền sử dụng đất đang ở, phần ban công mà bà P cho rằng chị N xây lấn sang đất bà P là không đúng, vì đây là hiện trạng căn nhà khi chị mua của Công an huyện HN cũ cho đến nay, gia đình chị đã ở ổn định hơn 30 năm, không thay đổi hiện trạng, cũng như không tranh chấp. Đối với phần tường phía sau nhà, gia đình chị N đã tự

nguyện tháo dỡ hàng rào và hai bên đã thống nhất cắm ranh đất xong, không tranh chấp.

Chị Hà Thị N đồng ý để cho Nhà nước tháo dỡ ban công, vì ban công này không nằm trong quyền sử dụng đất của gia đình chị. Chị N xin rút đơn yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập, làm việc với những người làm chứng và không yêu cầu gì thêm.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã HN đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc hộ chị Hà Thị N (gồm có chị Hà Thị N, anh Lê Văn Đ, anh Lê Hà T và chị Lê Thị Như Y) phải tháo dỡ (tháo dỡ với mọi biện pháp) ban công đang tranh chấp có chiều ngang 0,6 mét và chiều dài 12,4 mét, diện tích 7,44m<sup>2</sup> để trả lại cho hộ bà Huỳnh Thị P khoảng không gian thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Huỳnh Thị P theo quy định của pháp luật.

Ranh giới quyền sử dụng đất của hộ bà Huỳnh Thị P và hộ chị Hà Thị N được xác định như sau:

Hộ bà Huỳnh Thị P được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1, 14, 4, 5, 6, 16, 15 và 1 thuộc thửa số 927, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại đường CVA, khóm 5, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Huỳnh Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã HN và sơ đồ thửa đất bổ sung (kèm theo mảnh trích đo địa chính số 244-2017 ngày 24 tháng 5 năm 2017) ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã HN.

Hộ chị Hà Thị N được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1, 14, 11, 10, 9, 8, 7, 6, 16, 15 và 1 thuộc thửa số 926, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại đường CVA, khóm 5, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp, do hộ anh Lê Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã HN và sơ đồ thửa đất bổ sung (kèm theo mảnh trích đo địa chính số 244-2017 ngày 24 tháng 5 năm 2017) ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã HN.

Người sử dụng đất được quyền sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người liền kề.

Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai hoặc điều chỉnh diện tích theo hiện trạng thực tế sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hộ chị Hà Thị N phải di dời hàng rào để trả lại quyền sử dụng đất diện tích 3,8m<sup>2</sup>.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Hà Thị N về việc yêu cầu nguyên đơn trả lại quyền sử dụng đất.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Hộ chị Hà Thị N phải chịu 1.974.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Do bà Huỳnh Thị P đã tạm ứng trước và đã chi xong, nên hộ chị Hà Thị N phải hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị P số tiền 1.974.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Huỳnh Thị P số tiền 1.204.000 đồng (Một triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do anh Chung Văn T2 nộp thay) theo biên lai số 034540 ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ chị Hà Thị N (gồm có chị Hà Thị N, anh Lê Văn Đ, Lê Hà T và Lê Thị Như Y) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 500.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.619.000 đồng nộp theo biên lai thu số 14066 ngày 20 tháng 9 năm 2017 và biên lai số 14165 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp; Chị Hà Thị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 2.119.000 đồng (Hai triệu một trăm mười chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Bé H, anh Đoàn Duy B, Đoàn Duy Trú N1, Đoàn Duy Đăng K, Ủy ban nhân dân thị xã HN đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 5 năm 2018 chị Hà Thị N kháng cáo: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tháo dỡ ban công, chi phí thẩm định và án phí như bản án sơ thẩm đã tuyên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà P khởi kiện yêu cầu chị N và anh Đ tháo dỡ phần xê nô (ban công) lấn chiếm trả lại phần đất có ngang 0,6m, dài 12,4m, diện tích 7,44m<sup>2</sup>. Chị N xác định khi mua nhà đã có xê nô (ban công), không có lấn chiếm phần đất của bà P. Tại phiên tòa sơ thẩm chị N thống nhất tháo dỡ xê nô (ban công).

[2] Án sơ thẩm xử buộc hộ chị Hà Thị N (gồm có chị Hà Thị N, anh Lê Văn Đ, Lê Hà T và Lê Thị Như Y) phải tháo dỡ (tháo dỡ với mọi biện pháp) ban công đang tranh chấp có chiều ngang 0,6 mét và chiều dài 12,4 mét, diện tích 7,44m<sup>2</sup> để trả lại cho hộ bà Huỳnh Thị P khoảng không gian thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Huỳnh Thị P theo quy định của pháp luật.

Hộ bà Huỳnh Thị P được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1-14-4-5-6-16-15- mốc 1, thuộc thửa số 927, tờ bản đồ số 14 và hộ chị Hà Thị N được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1-14-11-10-9-8-7-6-16-15-mốc 1, thuộc thửa số 926, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại đường CVA, khóm 5, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N thống nhất tháo dỡ xê nô (ban công), nhưng không đồng ý chịu chi phí tháo dỡ xê nô (ban công) và có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tháo dỡ ban công, chi phí thẩm định và án phí như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ngày 11/9/2017 và ngày 11/11/2017 chị N có đơn yêu cầu phản tố, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà P, đến ngày 16/01/2018 chị N có đơn xin rút yêu cầu phản tố. Theo các đơn yêu cầu phản tố của chị N không có nội dung yêu cầu bà P phải chịu chi phí tháo dỡ ban công.

Theo biên bản hòa giải ngày 06/02/2018 và biên bản hòa giải ngày 11/4/2018 chị N thống nhất tháo dỡ ban công, nhưng chỉ đồng ý chịu 50% chi phí tháo dỡ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/5/2018 chị N không có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, chi phí tháo dỡ xê nô (ban công). Do chi phí tháo dỡ xê nô (ban công) chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Trong trường hợp chị N

có tranh chấp chi phí tháo dỡ xe nô (ban công) thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Xét kháng cáo của chị N không đồng ý nộp tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

...

1/. Dương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

Vì thế, việc chị N kháng cáo không đồng ý nộp tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá là không có căn cứ.

[5] Đối với việc chị N kháng cáo không đồng ý nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ phải chịu tiền án phí sơ thẩm:

1- “Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm, nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm” và chị N cũng không thuộc trường hợp được miễn, giảm hoặc không phải nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 11, 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nên kháng cáo của chị N là không có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của chị N. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, xét kháng cáo của chị N là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ khoản 1, Điều 148; Khoản,1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Hà Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã HN.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc hộ chị Hà Thị N (gồm có chị Hà Thị N, anh Lê Văn Đ, Lê Hà T và Lê Thị Như Y) phải tháo dỡ (tháo dỡ với mọi biện pháp) ban công đang tranh chấp có chiều ngang 0,6 mét và chiều dài 12,4 mét, diện tích 7,44m<sup>2</sup> để trả lại cho hộ bà Huỳnh Thị P khoảng không gian thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Huỳnh Thị P theo quy định của pháp luật.

Hộ bà Huỳnh Thị P được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1-14-4-5-6-16-15- mốc 1, thuộc thửa số 927, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại đường CVA, khóm 5, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Huỳnh Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hộ chị Hà Thị N được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1-14-11-10-9-8-7-6-16-15-mốc 1, thuộc thửa số 926, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại đường CVA, khóm 5, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp, do hộ ông Lê Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các phần đất trên được thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã HN và sơ đồ thửa đất bổ sung (kèm theo mảnh trích đo địa chính số 244-2017 ngày 24 tháng 5 năm 2017) ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã HN.

Ranh giới quyền sử dụng đất của hộ bà Huỳnh Thị P và chị Hà Thị N được xác định từ các mốc 14-15-16 và mốc 6.

Người sử dụng đất được quyền sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người liền kề.

Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai hoặc điều chỉnh diện tích theo hiện trạng thực tế sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hộ chị Hà Thị N phải di dời hàng rào để trả lại quyền sử dụng đất diện tích 3,8m<sup>2</sup>.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Hà Thị N về việc yêu cầu nguyên đơn trả lại quyền sử dụng đất.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Hộ chị Hà Thị N phải chịu 1.974.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Do bà Huỳnh Thị P đã tạm ứng trước và đã chi xong, nên hộ chị Hà Thị N phải hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị P số tiền 1.974.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Huỳnh Thị P số tiền 1.204.000 đồng (Một triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do anh Chung Văn Tèo nộp thay) theo biên lai số 034540 ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Hà Thị N, anh Lê Văn Đ, Lê Hà T và Lê Thị Như Y phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 500.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.919.000 đồng nộp theo biên lai thu số 14066 ngày 20 tháng 9 năm 2017; Biên lai số 14165 ngày 21 tháng 11 năm 2017 và biên lai số 0005055 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp. Chị Hà Thị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 2.119.000 đồng (Hai triệu một trăm mười chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Bé H, anh Đoàn Duy B, Đoàn Duy Trúc N1, Đoàn Duy Đăng K, Ủy ban nhân dân thị xã HN đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi Nhận:***

- VKSND Tỉnh;
- TAND TX HN;
- CCTHADS TX HN;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Tấn Tạng**